TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2025/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 25 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1977;

Số căn cước công dân: 044177007993; cấp ngày: 27/6/2021;

Địa chỉ: Ngõ 14, đường N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị;

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1970;

Số căn cước công dân: 044070007650; ngày cấp: 20/3/2022

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hồng Q

2. Công nhận thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ con chung:

Anh chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 22/4/2002. Anh chị thỏa thuận giao con Nguyễn Thị Hồng P cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị M không yêu cầu bởi chị có đủ điều kiện nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

b) Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hồng Q mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị M thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho anh Q. Số tiền án phí chị M phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0000008, ngày 31/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Trị. Chị M được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND kv4 Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND p. Đ(p.N cũ) ĐKKH ngày 30/5/2002;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS; Lưu VP;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương